



## **Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và  
Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Ernst & Young

 **ERNST & YOUNG**

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 34

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán cấp ngày 11 tháng 03 năm 2010 và có chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế trong kỳ	27.954.949.045	(4.293.890.867)
Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế vào cuối kỳ	9.097.721.428	(89.773.192.920)

### CÁC SỰ KIỆN TRONG KỲ

Vào ngày 11 tháng 03 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 312/UBCK-QĐ chấp thuận Công ty được chuyển đến Tòa nhà Viet Dragon số 141 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 5 năm 2010 và bắt đầu giao dịch từ ngày 25 tháng 5 năm 2010.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2008

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

*Handwritten signature*

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được qui định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài Chính ban hành và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng



Ông Nguyễn Thanh  
Chủ tịch

ughman

Ông Nguyễn Miên Tuấn  
Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

Số tham chiếu: 60752721/13522033

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**  
**Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán giữa niên độ kèm theo vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 5 đến trang 35. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở Ý kiến Kiểm toán*

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến Kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 90/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Võ Tấn Hoàng Văn*

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0264/KTV

*Nguyễn Xuân Đại*

Nguyễn Xuân Đại  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 07 năm 2010



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>792.949.469.710</b>	<b>744.770.935.073</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>300.699.039.141</b>	<b>362.276.642.630</b>
111	1. Tiền	4	300.699.039.141	362.276.642.630
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>175.225.425.848</b>	<b>182.054.620.271</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	183.985.020.149	192.531.728.629
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(8.759.594.301)	(10.477.108.358)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>8</b>	<b>313.019.564.031</b>	<b>198.092.509.426</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		30.000.000	135.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		2.202.995.979	1.037.718.524
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		304.515.695.768	194.085.838.029
138	4. Các khoản phải thu khác		6.270.872.284	2.833.952.873
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.005.440.690</b>	<b>2.347.162.746</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.162.874.252	1.120.449.199
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		1.842.566.438	1.226.713.547
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>239.140.392.007</b>	<b>181.594.849.295</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>9</b>	<b>20.654.582.827</b>	<b>7.213.749.151</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	10.728.762.174	6.082.013.128
222	Nguyên giá		20.223.789.857	13.493.265.478
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.495.027.683)	(7.411.252.350)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9.2	787.799.329	802.064.023
228	Nguyên giá		1.423.507.159	1.291.472.269
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(635.707.830)	(489.408.246)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	9.4	9.138.021.324	329.672.000
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>203.200.925.400</b>	<b>157.392.802.200</b>
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.1	95.631.215.000	132.850.784.700
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.1	95.631.215.000	132.850.784.700
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.1	122.759.533.200	43.120.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	7	(15.189.822.800)	(18.577.982.500)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.284.883.780</b>	<b>16.988.297.944</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.276.587.498	214.612.295
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	21.3	4.368.362.155	12.378.861.347
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.716.815.081	1.574.690.920
268	4. Tài sản dài hạn khác	10	4.923.119.046	2.820.133.382
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.032.089.861.717</b>	<b>926.365.784.368</b>

# Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>635.401.823.739</b>	<b>557.632.695.435</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>634.892.885.739</b>	<b>557.100.383.435</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	413.950.000.000	250.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		300.549.479	401.645.111
313	3. Người mua trả tiền trước		712.000.000	555.387.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.135.215.841	194.466.374
315	5. Phải trả công nhân viên		489.066.952	571.410.251
316	6. Chi phí phải trả	15	7.053.307.778	3.775.224.647
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	99.411.735.587	176.810.820.998
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.055.312.269	1.121.069.869
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	110.785.697.833	123.670.358.685
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>508.938.000</b>	<b>532.312.000</b>
337	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		508.938.000	532.312.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>396.688.037.978</b>	<b>368.733.088.933</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>396.688.037.978</b>	<b>368.733.088.933</b>
411	1. Vốn cổ phần	18.2	330.000.000.000	330.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.276.000.000	53.276.000.000
413	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lợi nhuận/(lỗ) lũy kế		9.097.721.428	(18.857.227.617)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.032.089.861.717</b>	<b>926.365.784.368</b>



# Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2010

B01-CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>2.597.764.080.000</b>	<b>1.912.806.430.000</b>
007	1.1. Chứng khoán giao dịch		2.025.854.020.000	1.477.014.330.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		140.309.310.000	97.327.620.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố		176.265.850.000	153.170.800.000
022	1.4. Chứng khoán tạm giữ (phong tỏa của Công ty đối với khách hàng)		219.734.100.000	110.170.180.000
027	1.5. Chứng khoán chờ thanh toán		35.600.800.000	75.123.500.000
<b>050</b>	<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>		<b>25.298.580.000</b>	<b>105.953.590.000</b>
051	2.1. Chứng khoán giao dịch		25.130.760.000	105.953.590.000
071	2.5. Chứng khoán chờ thanh toán		120.090.000	-
066	2.7 Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng		47.730.000	-
<b>083</b>	<b>3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>138.745.760.000</b>	<b>68.999.140.000</b>

Ông Lê Minh Hiền  
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

# Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
01	<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>105.070.143.634</b>	<b>31.298.659.907</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		20.886.708.728	12.747.796.736
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		47.468.781.140	16.197.343.670
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		2.411.024.000	-
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	2.952.364
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		27.062.721.935	856.023.735
01.9	Doanh thu khác		7.240.907.831	1.494.543.402
02	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>105.070.143.634</b>	<b>31.298.659.907</b>
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	19	<b>(45.216.539.617)</b>	<b>(24.210.564.437)</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>59.853.604.017</b>	<b>7.088.095.470</b>
25	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	20	<b>(24.837.348.487)</b>	<b>(11.770.870.811)</b>
30	<b>7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>35.016.255.530</b>	<b>(4.682.775.341)</b>
31	<b>8. Thu nhập khác</b>		<b>978.740.381</b>	<b>418.884.492</b>
32	<b>9. Chi phí khác</b>		<b>(29.547.674)</b>	<b>(30.000.018)</b>
40	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>949.192.707</b>	<b>388.884.474</b>
50	<b>11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>		<b>35.965.448.237</b>	<b>(4.293.890.867)</b>
51	<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	21.1	<b>-</b>	<b>-</b>
52	<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	21.3	<b>(8.010.499.192)</b>	<b>-</b>
60	<b>14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b>		<b>27.954.949.045</b>	<b>(4.293.890.867)</b>
70	<b>15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>22</b>	<b>847</b>	<b>(130)</b>

Ông Lê Minh Hiền  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		<b>35.965.448.237</b>	<b>(4.293.890.867)</b>
02	Khấu hao TSCĐ	9	2.230.074.917	1.793.437.324
03	Dự phòng giảm giá đầu tư	7	39.882.491.815	29.359.013.939
04	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	7	(44.988.165.572)	(75.257.054.814)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.434.999.070)	40.481.006.646
06	Chi phí lãi vay	19	20.669.058.374	814.541.978
8	Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		<b>45.323.908.701</b>	<b>(7.102.945.794)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(116.387.521.321)	(61.279.240.021)
10	Giảm/(tăng) chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		47.796.278.180	(41.853.163.129)
11	Giảm các khoản phải trả		(7.200.926.830)	(956.128.167)
12	Tăng/(giảm) các khoản chi phí trả trước		(5.104.400.256)	305.257.993
13	Lãi vay đã trả		(17.016.562.541)	(395.791.978)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	21.1	-	-
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.400.496.000)	(168.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		<b>(53.989.720.067)</b>	<b>(111.450.511.096)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền mua sắm tài sản cố định	9	(15.670.908.593)	(144.967.375)
27	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(91.669.533.200)	(3.495.468.000)
28	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư		14.000.000.000	47.312.388.000
29	Thu lãi đầu tư		4.434.999.070	3.337.936.724
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		<b>(88.905.442.723)</b>	<b>47.009.889.349</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu góp vốn đăng ký mua cổ phần		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn		404.050.630.424	116.970.370.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(240.100.630.424)	(56.970.370.000)
35	Trả tiền vay ngắn hạn		-	-
55	Trả tiền cổ tức		-	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>163.950.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
70	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.054.837.210	(4.440.621.747)
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	4	71.979.390.396	24.590.453.000
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	4	93.034.227.606	20.149.831.253



Ông Lê Minh Hiền  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Công ty) là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép điều chỉnh số 312/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán cấp ngày 11 tháng 03 năm 2010 và có chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 257 người (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 172 người).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2008

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Miên Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2007
Ông Võ Duy Đạo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hữu Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2009



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính kèm theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 09/2010/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 1 năm 2010.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và thời hạn nhỏ hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3.3 Chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

*Chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán*

Các chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

*Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn*

Đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần của Công ty trong các tổ chức kinh tế từ lúc thành lập hoặc có đại diện là Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trong các doanh nghiệp được đầu tư và có ảnh hưởng lớn tại các công ty được đầu tư này. Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua, và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư trong các kỳ kế toán tiếp theo.

*Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

### 3.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

*Muu*

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

### 3.6 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm tin học	5 năm
Chi phí phát triển trang web	5 năm

### 3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.9 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

### 3.10 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 3.11 Thuế

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.11 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tiền mặt	43.119.507	58.299.871
Tiền gửi ngân hàng	298.032.762.601	340.587.448.654
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.623.157.033	21.630.894.105
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>300.699.039.141</b>	<b>362.276.642.630</b>

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản mục sau đây:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Tiền mặt	43.119.507	58.299.871
Tiền gửi ngân hàng	298.032.762.601	340.587.448.654
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.623.157.033	21.630.894.105
Các khoản tương đương tiền	-	-
	300.699.039.141	362.276.642.630
<i>Trừ:</i>		
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)	(96.534.297.000)	(166.606.176.500)
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 17)	(110.607.546.435)	(123.577.512.634)
Cổ tức của nhà đầu tư	(522.968.100)	(113.563.100)
<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>93.034.227.606</b>	<b>71.979.390.396</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

		VNĐ
	<i>Khối lượng chứng khoán thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</i>
<b>Của Công ty chứng khoán</b>	<b>20.809.447</b>	<b>568.723.445.860</b>
Cổ phiếu	20.809.447	568.723.445.860
Chứng khoán khác	-	-
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>356.254.321</b>	<b>12.005.188.417.200</b>
Cổ phiếu	351.204.321	11.528.680.717.200
Trái phiếu	5.050.000	476.507.700.000
Chứng khoán khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>377.063.768</b>	<b>12.573.911.863.060</b>

*Handwritten signature*

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

### 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

#### 6.1 Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Tăng	Giảm	VNĐ Ngày 30 tháng 6 năm 2010
Chứng khoán thương mại (Thuyết minh số 6.2)	192.531.728.629	245.218.051.380	253.764.759.860	183.985.020.149
Chứng khoán đầu tư	175.970.784.700	91.681.533.200	49.261.569.700	218.390.748.200
Chứng khoán sẵn sàng để bán (Thuyết minh 6.3)	132.850.784.700	2.042.000.000	39.261.569.700	95.631.215.000
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 6.4)	43.120.000.000	89.639.533.200	10.000.000.000	122.759.533.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>368.502.513.329</b>	<b>336.899.584.580</b>	<b>303.026.329.560</b>	<b>402.375.768.349</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

### 6.2 Chứng khoán thương mại

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	VNĐ Ghi chú
			Tăng	Giảm		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>						
Công ty Cổ phần đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	604.533	51.066.867.387	6.968.300.613	-	58.035.168.000	(*)
Công ty Cổ phần SXKD XNK DV và ĐT Tân Bình (TIX)	400.646	25.494.789.835	-	1.255.706.835	24.239.083.000	(*)
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (KSB)	383.680	28.025.960.777	-	4.429.640.777	23.596.320.000	(*)
Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	364.600	22.045.329.990	231.730.010	-	22.277.060.000	(*)
Công ty Cổ phần MT Gas (MTG)	688.867	14.292.791.423	4.099.957.477	-	18.392.748.900	(*)
Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Vinaship (VNA)	492.690	11.373.605.946	155.340.054	-	11.528.946.000	(*)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	356.915	9.033.084.988	-	1.609.252.988	7.423.832.000	(*)
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	168.410	6.211.144.690	-	434.681.690	5.776.463.000	
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFM/VF1)	438.960	5.911.192.076	-	643.672.076	5.267.520.000	
Công ty Cổ phần Kinh Đô (KDC)	87.540	4.864.561.684	-	268.711.684	4.595.850.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (SC5)	44.009	2.653.029.723	97.532.777	-	2.750.562.500	
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Vitaco (VTO)	98.509	1.279.290.183	-	67.629.483	1.211.660.700	
Công ty Cổ phần DV & XD Địa ốc Đất Xanh (DXG)	20.000	840.000.000	720.000.000	-	1.560.000.000	
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Trường Thành (TTF)	15.024	373.923.045	15.198.555	-	389.121.600	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	6.010	255.362.250	-	48.618.250	206.744.000	
Các công ty khác	8.356	264.086.152	20.744.566	1.680.518	283.150.200	
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.178.749</b>	<b>183.985.020.149</b>	<b>12.308.804.052</b>	<b>8.759.594.301</b>	<b>187.534.229.900</b>	

Ghi chú : (\*) Các cổ phiếu này đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 13).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

### 6.3 Chứng khoán sẵn sàng để bán

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	VNĐ Ghi chú
			Tăng	Giảm		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.230.932	95.631.215.000	-	15.189.822.800	80.441.392.200	(*)
	<b>2.230.932</b>	<b>95.631.215.000</b>	<b>-</b>	<b>15.189.822.800</b>	<b>80.441.392.200</b>	

Ghi chú : (\*) Các cổ phiếu đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 13).

### 6.4 Đầu tư dài hạn khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010		Ngày 31 tháng 12 năm 2009		VNĐ
	Giá trị ghi sổ	% sở hữu của Công ty	Giá trị ghi sổ	% sở hữu của Công ty	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	75.639.533.200	21,83%	-	-	-
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim Land	34.500.000.000	7,30%	30.500.000.000	10,17%	10,17%
Quý đầu tư tăng trưởng Việt Long	8.120.000.000	2,67%	8.120.000.000	2,67%	2,67%
Công ty Cổ phần Cao su kỹ thuật Đồng Phú	4.500.000.000	5,00%	4.500.000.000	5,00%	5,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>122.759.533.200</b>		<b>43.120.000.000</b>		

*Muu*

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chứng khoán thương mại		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	8.759.594.301	10.477.108.358
Chứng khoán đầu tư		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	15.189.822.800	18.577.982.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.949.417.101</b>	<b>29.055.090.858</b>

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ kế toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số đầu kỳ	29.055.090.858	58.719.274.489
Tăng trong kỳ	39.882.491.815	69.145.122.439
Hoàn nhập trong kỳ	(44.988.165.572)	(98.809.306.070)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.949.417.101</b>	<b>29.055.090.858</b>

*Handwritten signature*



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			VNĐ Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	135.000.000	-	-	30.000.000	135.000.000	30.000.000	-	-	-
2. Ứng trước cho người bán	1.037.718.524	-	-	5.293.895.042	4.128.617.587	2.202.995.979	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	194.085.838.029	-	-	2.432.554.883.108	2.322.125.025.369	304.515.695.768	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	522.674.992	-	-	16.160.071.484	16.374.905.272	307.841.204	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	135.757.654	-	-	172.479.391.542	171.493.402.225	1.121.746.971	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư (*)	193.427.405.383	-	-	2.243.078.060.082	2.134.256.717.872	302.248.747.593	-	-	-
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-	-	837.360.000	-	837.360.000	-	-	-
4. Phải thu khác	2.833.952.873	-	-	45.770.867.564	42.333.948.153	6.270.872.284	-	-	-
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.223.658.492	-	-	13.717.294.170	12.889.917.963	2.051.034.699	-	-	-
- Khoản phải thu từ nhân viên	-	-	-	1.978.208.478	-	1.978.208.478	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.610.294.381	-	-	30.075.364.916	29.444.030.190	2.241.629.107	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>198.092.509.426</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.483.649.645.714</b>	<b>2.368.722.591.109</b>	<b>313.019.564.031</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư là hình thức hợp tác đầu tư mà trong đó Công ty và nhà đầu tư cùng góp vốn để đầu tư vào một hay nhiều loại chứng khoán. Nhà đầu tư sẽ đảm bảo bằng các chứng khoán có sẵn trong tài khoản. Công ty sẽ nhận được khoản phí góp vốn là 0,05%/ngày trên tổng số dư vốn góp.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### 9.1 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	11.222.329.378	2.270.936.100	13.493.265.478
Tăng trong kỳ	5.171.777.379	1.558.747.000	6.730.524.379
Số dư cuối kỳ	16.394.106.757	3.829.683.100	20.223.789.857
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	6.485.377.544	925.874.806	7.411.252.350
Tăng trong kỳ	1.853.118.976	230.656.357	2.083.775.333
Số dư cuối kỳ	8.338.496.520	1.156.531.163	9.495.027.683
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	4.736.951.834	1.345.061.294	6.082.013.128
Số dư cuối kỳ	8.055.610.237	2.673.151.937	10.728.762.174

### 9.2 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học	Chi phí phát triển trang web	VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.167.781.591	123.690.678	1.291.472.269
Tăng trong kỳ	132.034.890	-	132.034.890
Số dư cuối kỳ	1.299.816.481	123.690.678	1.423.507.159
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số dư đầu kỳ	462.885.936	26.522.310	489.408.246
Tăng trong kỳ	133.930.515	12.369.069	146.299.584
Số dư cuối kỳ	596.816.451	38.891.379	635.707.830
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	704.895.655	97.168.368	802.064.023
Số dư cuối kỳ	703.000.030	84.799.299	787.799.329

*Handwritten signature*

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### 9.3 Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 VNĐ	Tài sản cố định và trang thiết bị		
	Chỉ tiêu	Giá trị VNĐ	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
330.000.000.000	Nguyên giá	21.647.297.016	6,56%
	Khấu hao lũy kế	(10.130.735.513)	-3,07%
	Giá trị còn lại	11.516.561.503	3,49%

### 9.4 Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí mua phần mềm lõi chứng khoán và các chi phí trực tiếp khác liên quan đến việc triển khai xây dựng phần mềm lõi này để phục vụ cho quản lý hoạt động Công ty trong lĩnh vực chứng khoán.

Công việc triển khai này chưa hoàn tất vào ngày lập các báo cáo tài chính này.

## 10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Chi phí trả trước trang thiết bị nội thất	2.965.382.556	214.612.295
Chi phí trả trước thi công, lắp đặt bảng hiệu, hệ thống cáp mạng, hệ thống điện, phần mềm	1.311.204.942	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.276.587.498</b>	<b>214.612.295</b>

Tình hình phân bổ chi phí trong kỳ kế toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số đầu kỳ	214.612.295	625.603.758
Tăng trong kỳ	4.399.377.558	-
	4.613.989.853	625.603.758
Phân bổ trong kỳ	(337.402.355)	(410.991.463)
Số cuối kỳ	<b>4.276.587.498</b>	<b>214.612.295</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số dư đầu kỳ	1.574.690.920	506.741.573
Tiền bổ sung	142.124.161	1.067.949.347
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.716.815.081</b>	<b>1.574.690.920</b>

## 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Vay ngắn hạn	413.950.000.000	250.000.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

		Kỳ hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	Số cuối kỳ (tháng)	(tháng)	(năm)	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	215.000.000.000	12	12,00 -15,00%	Bao gồm các cổ phiếu được trình bày tại thuyết minh 6.2 và 6.3
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao Dịch I	55.000.000.000	3	15,00%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Kiên Long	83.950.000.000	12	6,60%	Tài khoản tiền gửi không kì hạn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	50.000.000.000	6	14,40%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	10.000.000.000	6	14,50%	Tín chấp
<b>Tổng cộng</b>	<b>413.950.000.000</b>			

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Thuế thu nhập cá nhân	1.122.664.144	169.328.367
Thuế giá trị gia tăng	12.551.697	25.138.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 21.1)	-	-
Thuế khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.135.215.841</b>	<b>194.466.374</b>

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Lãi vay phải trả	3.918.620.831	622.791.665
Lương tháng 13	1.200.000.000	1.227.976.716
Chi phí môi giới chứng khoán	887.898.632	1.407.452.590
Lãi phải trả cho đối tác đầu tư	356.666.667	-
Các khoản khác	690.121.648	517.003.676
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.053.307.778</b>	<b>3.775.224.647</b>

## 16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Thanh toán bù trừ của nhà đầu tư	96.534.297.000	166.606.176.500
Thanh toán bù trừ của Công ty	-	6.615.600.000
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	2.197.872.500	2.411.670.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán khác	679.566.087	1.177.374.498
<b>Tổng cộng</b>	<b>99.411.735.587</b>	<b>176.810.820.998</b>

## 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	109.982.989	66.759.206
Phải trả khác	110.675.714.844	123.603.599.479
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 4)	110.607.546.435	123.577.512.634
Phải trả khác	68.168.409	26.086.845
<b>Tổng cộng</b>	<b>110.783.697.833</b>	<b>123.670.358.685</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 18.1 Tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Trong kỳ hiện hành:

	VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi/Lỗ lũy kế	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số đầu kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(18.857.227.617)	-	368.733.088.933
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.954.949.045	-	27.954.949.045
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>53.276.000.000</b>	<b>2.157.158.275</b>	<b>2.157.158.275</b>	<b>9.097.721.428</b>	<b>-</b>	<b>396.688.037.978</b>

Trong năm trước:

	VNĐ						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số đầu kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(85.479.302.053)	226.869.133	302.337.883.630
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	66.622.074.436	-	66.622.074.436
Đã sử dụng	-	-	-	-	-	(226.869.133)	(226.869.133)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>53.276.000.000</b>	<b>2.157.158.275</b>	<b>2.157.158.275</b>	<b>(18.857.227.617)</b>	<b>-</b>	<b>368.733.088.933</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 18.2 Vốn cổ phần

Theo Giấy phép số 147/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 8 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng. Số vốn điều lệ này đã được góp đầy đủ tính tới thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5.970.000	59.700.000.000	18,09%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Sài Gòn Á Châu	1.180.000	11.800.000.000	3,58%
Công ty CP cung ứng tàu biển Sài Gòn	2.430.750	24.307.500.000	7,37%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	2.430.000	24.300.000.000	7,36%
Ông Nguyễn Miên Tuấn	535.000	5.350.000.000	1,62%
Ông Nguyễn Vạn Lý	500.000	5.000.000.000	1,52%
	13.045.750	130.457.500.000	39,53%
Các cổ đông cá nhân khác	19.954.250	199.542.500.000	60,47%
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.000.000</b>	<b>330.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 18.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>33.000.000</i>	<i>33.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	14.548.691.490	62.616.983.416
Chi phí lãi vay	12.434.697.263	814.541.978
Chi phí nhân viên	9.094.577.283	3.827.594.000
Lãi hợp tác đầu tư chia cho đối tác	8.234.361.111	-
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	4.098.108.281	1.601.048.923
Chi phí khác bằng tiền	607.029.205	547.957.352
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	481.983.695	262.102.556
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	311.528.225	104.374.209
Chi phí khấu hao TSCĐ	146.359.703	233.862.602
Chi phí khác	364.877.118	100.140.276
	<u>50.322.213.374</u>	<u>70.108.605.312</u>
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	39.882.491.815	29.359.013.939
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	<u>(44.988.165.572)</u>	<u>(75.257.054.814)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>45.216.539.617</u></b>	<b><u>24.210.564.437</u></b>

## 20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.773.082.019	5.580.152.846
Chi phí nhân viên	7.742.520.366	3.756.415.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.083.715.214	1.559.574.722
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	595.289.692	314.053.581
Chi phí khác	1.650.912.687	381.369.455
Chi phí khác bằng tiền	991.828.509	179.305.025
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>24.837.348.487</u></b>	<b><u>11.770.870.811</u></b>



*Handwritten signature*

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 25% lợi nhuận tính thuế trong các năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(8.010.499.192)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>(8.010.499.192)</b>	<b>-</b>

### 21.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>35.965.448.237</b>	<b>(4.293.890.867)</b>
Trừ: Thu nhập cổ tức	(4.434.999.070)	(3.337.936.724)
	<b>31.530.449.167</b>	<b>(7.631.827.591)</b>
<b>Cộng:</b>		
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	29.547.601	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước</b>	<b>31.559.996.768</b>	<b>(7.631.827.591)</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(31.559.996.768)	-
<b>Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 21.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 17.473.448.619 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VNĐ

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 30/6/2010	Số không được chuyển lỗ(*)	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30/6/2010
2008	2013	<u>94.430.567.580</u>	<u>(76.475.118.961)</u>	<u>(482.000.000)</u>	<u>17.473.448.619</u>

(\*) Đây là khoản chi phí không được khấu trừ của năm 2008 theo biên bản làm việc của Cơ quan thuế ngày 28 tháng 04 năm 2010.

### 21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho số lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong các năm tới bởi vì Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận trong các năm tới để bù trừ hết số lỗ tính thuế mang sang này. Thuế TNDN hoãn lại trong năm được tính như sau:

VNĐ

Năm nay

Số lỗ tính thuế mang sang tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có thể được sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong năm tới  
(Thuyết minh số 21.2)

17.473.448.619

Thuế suất thuế TNDN theo qui định

25%

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

4.368.362.155

Kuu



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 21.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	4.368.362.155	12.378.861.347	(8.010.499.192)	-
	<b>4.368.362.155</b>	<b>12.378.861.347</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(8.010.499.192)</b>	<b>-</b>

## 22. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
Lợi nhuận thuần/(lỗ) phân bổ cho cổ đông (VNĐ)	27.954.949.045	(4.293.890.867)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	33.000.000	33.000.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	847	(130)

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 23. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
Tổng quỹ lương	16.837.097.649	6.984.009.000
Tiền thưởng	1.400.496.000	768.500.000
Tổng thu nhập	18.237.593.649	7.752.509.000
Tiền lương bình quân (tháng/người)	10.919.000	9.700.000
Thu nhập bình quân (tháng/người)	11.827.233	10.767.000

## 24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi	6.048.993.149
		Doanh thu từ nghiệp vụ quản lý sổ cổ đông	45.454.545
		Vay ngắn hạn	270.000.000.000
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	50.000.000.000

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(270.000.000.000)
		Tiền gửi	92.291.903.712
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(50.000.000.000)

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

## 25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính tại số 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và văn phòng chi nhánh ở Hà Nội, Nha Trang, Đà Nẵng, Cần Thơ dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2010	Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Dưới 1 năm	987.292.450	9.448.520.004
Từ 1 đến 5 năm	10.027.692.519	8.312.603.530
Trên 5 năm	78.681.272.218	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.696.257.187</b>	<b>17.761.123.534</b>

## 26. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	23%	43%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	77%	57%
<b>2. Tỷ suất sinh lời</b>		
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế/Doanh thu	34%	-14%
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế /Vốn cổ phần đã phát hành	11%	-1%
<b>3. Khả năng thanh toán</b>		
Tổng nợ/Tổng tài sản	62%	44%
Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Tổng nợ ngắn hạn	125%	132%
Tiền/Tổng nợ ngắn hạn	47%	76%

## 27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ông Lê Minh Hiền  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 7 năm 2010